

Bản án số: 313/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 653/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Thái B**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp , xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, anh B có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Chị và anh Huỳnh Thái B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn đến nay. Nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu bia và có lời lẽ xúc phạm chị. Ngày 06/5/2022 chị đã nộp đơn xin ly hôn anh B nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên anh B vẫn không thay đổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc X, sinh ngày 15/3/2018 và Huỳnh Ngọc Ánh X, sinh ngày 06/10/2019. Hiện 02 con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo Tờ tự khai ngày 27/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thái B trình bày: Về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với trình bày của chị N. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Theo anh, chị N không đủ điều kiện kinh tế để nuôi hết 02 con. Do vậy anh yêu cầu được nuôi 01 trong 02 con chung (Cháu X hoặc cháu X đều được) và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, N đơn và bị đơn vẫn giữ N ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung của chị và anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh B và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh B nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Huỳnh Thái B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 30/11/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn đến nay. Nguyên nhân theo chị N trình bày do anh B thường xuyên uống rượu bia và có lời lẽ xúc phạm chị.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị đã kéo dài từ tháng 12/2019 đến nay nhưng hai bên cũng không có biện pháp gì để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, vào tháng 05/2022 chị N đã nộp đơn xin ly hôn với anh B và sau đó đã rút đơn (Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè) để vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không hàn gắn được. Đồng thời tại phiên tòa, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị N. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng của anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của

chị N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Huỳnh Thái B là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung:

Chị N và anh B có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc X, sinh ngày 15/3/2018 và Huỳnh Ngọc Ánh X, sinh ngày 06/10/2019. Hiện 02 con chung đang sống với chị N. Tại phiên tòa, chị N và anh B đều có yêu cầu được nuôi con chung.

Xét thấy, hiện tại anh B cũng không có nghề nghiệp ổn định. Hiện 02 con chung đang sống với chị N, nếu chia tách mỗi người nuôi 01 con chung sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của các con chung. Đồng thời, hiện 02 con chung do chị N nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao hết 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh B.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

[3]. **Về án phí:** Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị N, anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N.

- Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Huỳnh Thái B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao hết 02 con chung tên Huỳnh Ngọc X, sinh ngày 15/3/2018 và Huỳnh Ngọc Ánh X, sinh ngày 06/10/2019 cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010381 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Khánh, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhị